

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày 05-01-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
(lỗi đi)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm.

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2021 và ngày 05/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLPT-DS ngày 15/01/2021 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất (lỗi đi)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2021/QĐPT-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 43/TB-TA ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; thường trú: Tổ 2, khu phố 1, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/9/2020).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1967; thường trú: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/6/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ liên hệ: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1964.

3. Ông Nguyễn Thành P1, sinh năm 1969.

4. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1971.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1973.

6. Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983.

7. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1967.

8. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1977.

9. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1953.

11. Bà Đỗ Thị Hồng Đ, sinh năm 1975.

12. Ông Đỗ Hữu T3, sinh năm 1980.

13. Bà Đỗ Thị Bạch L, sinh năm 1983.

14. Bà Đỗ Thị Kim T3, sinh năm 1985.

15. Ông Đỗ Bá T4, sinh năm 1988.

16. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1958.

17. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

18. Bà Ngô Thị Hồng P1, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

19. Ông Hồ Hồng S, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

20. Ông Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1967.

21. Bà Trịnh Thị Minh H1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương.

23. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L2 – chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 2559/GUQ-UBND ngày 13/7/2020).

24. Ông Đỗ Trung H2, sinh năm 1979.

25. Bà Đỗ Thị Tiên P2, sinh năm 1982.

26. Ông Đỗ Trọng T5, sinh năm 1986.

27. Bà Đỗ Thị Ái H2, sinh năm 1990.

28. Bà Đỗ Như T6, sinh năm 1991.

29. Ông Đỗ Thanh T7, sinh năm 1971.

30. Bà Lý Kim L1, sinh năm 1969.

31. Bà Đỗ Hoàng Kim K1, sinh năm 1994.

32. Ông Đỗ Hoàng Anh T8, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

33. Bà Bùi Thị Tuyết P3; địa chỉ: Khu phố Ba Đình, phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2016, ngày 12/10/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn T9 thống nhất trình bày:

Ông Đỗ Văn T được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03389 ngày 07/08/2015 đối với diện tích 2.760,8m², thuộc thửa số 1218, tờ bản đồ số 42 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00881 QSDĐ/TU ngày 15/01/2004 đối với diện tích 3.635m², thuộc thửa 587, tờ bản đồ số 42, tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Để đi ra đường công cộng, gia đình ông T phải đi qua con đường đi chung có diện tích khoảng 188m² (chiều ngang là 04m, chiều dài khoảng 47m). Con đường này được hình thành từ năm 1978 để hộ gia đình ông T và nhiều hộ dân sống xung quanh đi lại để phục vụ cho nhu cầu canh tác đất ở phía bên trong. Hiện nay, gia đình bà Nguyễn Thị B là chủ sử dụng

thửa số 81, tờ bản đồ số 42 đã có hành vi xây dựng hàng rào trụ bê tông, kẽm gai rào con đường đi chung nên gia đình ông T không có lối đi nào để đi ra đường công cộng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà B phải tháo dỡ hàng rào trả lại con đường đi chung có hiện trạng như ban đầu nhưng bà B không đồng ý và cho rằng toàn bộ diện tích đất 188m² hiện nay thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 42 của gia đình bà B.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng lối đi tranh chấp có từ năm 1978 và thuộc thửa đất số 79 của ông Đỗ Văn Đ. Năm 2007, khi ông Đỗ Văn Đ đo đạc lại thửa số 79 đã tách phần đất 282m² làm đường đi và con đường ông Đ tách ra từ thửa 79 chính là con đường đang tranh chấp hiện nay. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 1,5m² thuộc thửa số 819 và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông T yêu cầu bị đơn bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông trả lại con đường đi chung diện tích 187m² theo mảnh trích lục địa chính lồng ghép ngày 20/02/2019.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42 và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 QSDĐ/TU ngày 07/8/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Đỗ Văn T. Bị đơn đã rút yêu cầu phản tố nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ có yêu cầu độc lập yêu cầu bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông trả lại con đường đi chung diện tích theo đo đạc thực tế là 188,5m². Ông Đỗ Văn Đ đã rút yêu cầu độc lập này nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất, không có ý kiến.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào mảnh trích lục địa chính lồng ghép ngày 20/02/2019 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Vũ Đình Mao thống nhất trình bày:

Gia đình bà Nguyễn Thị B là người quản lý, sử dụng diện tích đất 19.891m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 42, tại tổ 5, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00185

ngày 25/07/2005 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho hộ ông Nguyễn Thành L2 và bà Nguyễn Thị B. Tại cạnh hướng Bắc của thửa số 81 giáp thửa đất số 80 (trước đây của bà Nguyễn Thị B) và thửa đất số 79 của ông Đỗ Văn Đ (nay là thửa 819). Quá trình quản lý, sử dụng đất giữa bà B và ông Đ không phát sinh tranh chấp.

Ông Đỗ Văn T là người sử dụng thửa số 587 và thửa số 1218. Phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 81 của bà Nguyễn Thị B. Trước đây, ông T thường đi tắt ngang qua phần đất thuộc thửa số 81 của bà B để ra đường giao thông nông thôn, vì chỗ quen biết nên gia đình bà B cũng để cho ông T đi tạm qua phần đất này. Năm 2006, bà B có đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (nay là thị xã) T đo đạc thửa số 81 để tách thửa cho các con của bà B thì ông Đỗ Văn T ngăn cản và yêu cầu bà B phải trừ ra diện tích đất có chiều ngang 04m làm con đường đi cho gia đình ông T nên bà B không thể tiến hành đo đạc tách thửa được. Vụ việc chưa được giải quyết xong thì năm 2015, Ủy ban nhân dân thị xã T lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn T đối với thửa số 1218 trong đó có cả phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà B thuộc thửa đất số 81 được thể hiện là lối đi chung. Việc cấp giấy chứng nhận này là hoàn toàn trái pháp luật khi đất đang tranh chấp và còn cấp chồng lên phần đất của gia đình bà B đã được công nhận chủ quyền. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà B cũng không ký xác nhận ranh đất. Trên bản đồ địa chính hoàn toàn không thể hiện có con đường đi chung qua thửa đất số 81 của bà B. Phần đường đi ông T đang tranh chấp là phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị B cho ông T đi nhờ, không phải lối đi chung. Vì vậy, việc ông T khởi kiện bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D là không có cơ sở nên bà B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị B có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận diện tích khoảng 188m², tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị B và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03389 do UBND thị xã T cấp cho ông Đỗ Văn T ngày 07/8/2015. Ngày 30/11/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn rút yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu phản tố và đề nghị Tòa án sử dụng mảnh trích lục địa chính ngày 04/7/2017 làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Văn T9 thống nhất trình bày:

Ông Đỗ Văn Đ là người quản lý, sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 42, tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H00211 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 15/8/2005 cho ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị Tám. Ông Đ thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn ông T về lối đi tranh chấp. Do vậy, ông Đ có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông trả lại con đường đi chung diện tích 188,5m² (chiều ngang là 04m, chiều dài khoảng 47m). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Đ rút yêu cầu độc lập.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân S1 và bà Trịnh Thị Kim H3 thống nhất trình bày:

Ông S1 và bà H3 là người quản lý, sử dụng thửa đất số 819, tờ bản đồ số 42, tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01031 ngày 28/5/2007. Nguồn gốc đất do ông S1 và bà H3 nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Đ vào năm 2003. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, tại cạnh hướng Nam của thửa đất 819 giáp đường đi có chiều rộng khoảng 01m. Thửa đất ông S1 và bà H3 có ranh giới ổn định, không tranh chấp.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B và bà Ngô Thị M thống nhất trình bày:

Ông B và bà M là người quản lý, sử dụng thửa đất số 817, tờ bản đồ số 42, tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02436 ngày 28/5/2007. Nguồn gốc đất do Ông B và bà M nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Đ vào năm 2003. Ông B và bà M có sử dụng một phần lối đi tranh chấp để đi ra đường ĐH421 và sử dụng lối đi này từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay. Đối với vụ việc tranh chấp giữa ông T và bà B, Ông B và bà M không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hồng S và bà Ngô Thị Hồng P1 thống nhất trình bày:

Bà P và ông S là người quản lý, sử dụng thửa đất số 818, tờ bản đồ số 42, tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02435 ngày 25-8-2007. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Đ vào năm 2007. Ông S và bà P có sử dụng một phần lối đi tranh chấp để đi ra đường nhựa ĐH421. Đối với vụ việc tranh chấp giữa ông T và bà B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết P3 trình bày:

Trước đây, bà P là người quản lý, sử dụng thửa đất số 943, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.342,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03849 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho bà Bùi Thị Tuyết P3. Bà P đã tách thửa và chuyển nhượng đất cho nhiều người. Theo như mảnh trích lục địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T thì trong phần đất tranh chấp có một phần đất giảm thửa từ thửa 943, bà P không tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với phần đất này vì thực tế phần đất này là đường đi, bà P không quản lý, sử dụng và không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến phần đất này.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Hữu T3, bà Đỗ Thị Bạch L, bà Đỗ Thị Kim T3, bà Đỗ Như T6, ông Đỗ Trung H2, ông Đỗ Trọng T5, bà Đỗ Thị Ái H2, bà Đỗ Thị Tiên P2, ông Đỗ Thanh T7, ông Đỗ Hoàng Anh T8, bà Đỗ Hoàng Kim K1, bà Lý Thị L, bà Đỗ Thị Hồng Đ, ông Đỗ Bá T4 có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D:

Thông nhất ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T có ý kiến như sau:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 ngày 07/8/2015 cho hộ ông Đỗ Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00211 ngày 15/8/2005 cho hộ ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị Tám có đo đạc thực tế, không ký liên ranh. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00185 ngày 25/7/2005 cho hộ ông Nguyễn Thành L2 và bà Nguyễn Thị B không qua đo đạc thực tế. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B (cạnh hướng Bắc) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ (cạnh hướng Nam) không tiếp giáp đường. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 QSDĐ/TU ngày 07/8/2015 cho ông Đỗ Văn T đối với thửa 1218 tại cạnh hướng Tây tiếp giáp đường đất cụt, con đường này được tách từ thửa số 79 của ông Đỗ Văn Đ. Vào năm 2007, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T tiến hành đo đạc thực tế thửa đất số 79 của ông Đỗ Văn Đ và tách diện tích 282m² ra làm đường đất cụt (là đường theo mảnh trích lục địa chính ngày 04/3/2017, ngày 06/8/2018 và mảnh trích lục địa chính có lồng ghép ngày 20/02/2019) thể hiện tiếp giáp con đường đất cụt, con đường

này đã được cập nhật trên bản đồ chỉnh lý đo vẽ hiện trạng được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu.

[11] Người làm chứng ông Nguyễn Văn T10 trình bày:

Ông T10 là cán bộ địa chính của Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T từ năm 1993 đến nay. Lối đi tranh chấp tại thửa đất số 79 và thửa số 81 đã phát sinh từ năm 2001 đến nay, đã được Ban điều hành khu phố 4, phường U, thị xã T hòa giải vào năm 2001 tại Biên bản họp tổ ngày 14/7/2001. Ông T10 không tham gia giải quyết tranh chấp nên không biết nội dung thỏa thuận của các bên liên quan đến lối đi tranh chấp như thế nào. Vào ngày 03/12/2009, giữa ông Nguyễn Thành L2 (chồng bà B) và ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn Đ phát sinh tranh chấp liên quan đến lối đi tại thửa số 79 và thửa số 81. Ngày 03/12/2009, Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T tiến hành hòa giải thì ông Nguyễn Thành L2 đồng ý chừa lối đi có chiều ngang 02m cho ông Đỗ Văn T đi và lối đi này nằm trong thửa đất số 81 của bà Nguyễn Thị B, được xác định từ ranh đất của thửa số 79 kéo qua thửa số 81. Sau khi lập biên bản hòa giải xong, các đương sự tự thực hiện theo thỏa thuận. Lối đi các đương sự tranh chấp vào năm 2009 chính là lối đi mà hiện nay các đương sự đang tranh chấp.

[12] Người làm chứng ông Nguyễn Tấn L4 trình bày:

Lối đi hiện nay ông T tranh chấp với bà B chính là lối đi mà ông T tranh chấp từ năm 2001 đến nay. Trước đây, ông T đi ra đường giao thông nông thôn theo con đường cạp theo bờ suối sau thửa đất số 81 của bà Nguyễn Thị B. Do con đường này không còn nên ông T sử dụng lối đi tranh chấp để đi ra đường giao thông nông thôn. Vào năm 2001, giữa ông Đ và ông Nguyễn Thành L2 (chồng bà B) tranh chấp lối đi này và được Ban điều hành khu phố 4, phường U, thị xã T hòa giải. Do ông L4 không tham gia hòa giải nên ông L4 không biết các bên thỏa thuận như thế nào. Đến năm 2009, giữa ông Nguyễn Thành L2 và ông Đỗ Văn T tranh chấp liên quan đến lối đi này. Ngày 03/12/2009, Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T tiến hành hòa giải, ông T và ông L2 thỏa thuận chừa lối đi có chiều ngang 02m, chiều dài từ đường giao thông nông thôn vào đến đất ông Tư Thuận (Đỗ Văn T), đường đất nằm trong thửa đất số 81 của bà B. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B thể hiện không có con đường, các bên xác định lối đi tranh chấp nằm trong đất của bà B nên Hội đồng hòa giải ghi nhận, chiều ngang con đường được xác định từ ranh đất thửa số 79 (chưa tách thửa) kéo qua phần đất của bà B (thửa số 81). Sau khi lập Biên bản hòa giải xong, việc cấm mốc con đường đi là do các đương sự tự thực hiện. Đến năm 2016, ông T và bà B tiếp tục tranh chấp lối đi mà các đương sự đã tranh chấp từ năm 2001 và năm 2009.

[13] Người làm chứng ông Nguyễn Văn B1 trình bày:

Ông B1 trước đây là tổ trưởng khu phố 4, phường U, thị xã T. Năm 2001, giữa hộ ông Đỗ Văn Đ và hộ ông Nguyễn Thành L2 xảy ra tranh chấp về lối đi. Tổ hòa giải khu phố 4, thị trấn (nay là phường) U, huyện (nay là thị xã) T tiến hành hòa giải và lập biên bản hòa giải ngày 14/7/2001, có sự tham gia hòa giải của ông Đỗ Văn Đ và bà Dương Thị K1 là chủ hộ. Vị trí đường đi tranh chấp tại biên bản họp tổ ngày 14/7/2001 chính là vị trí đất tranh chấp hiện nay giữa ông T, ông Đ và bà B. Sau khi các đương sự thống nhất thỏa thuận hòa giải như nội dung biên bản họp tổ ngày 14/7/2001 thì các bên tự thực hiện việc cắm mốc ranh giới đường đi. Năm 2009, giữa ông Nguyễn Thành L2 (chồng bà B) và ông Đỗ Văn T xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi), vị trí đất tranh chấp theo biên bản năm 2009 chính là vị trí đất hiện nay các đương sự đang tranh chấp.

[14] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đỗ Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ là Luật sư Thái Thanh H có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như sau:

Con đường đi chung mà nguyên đơn ông Đỗ Văn T tranh chấp với bị đơn bà Nguyễn Thị B được hình thành từ năm 1978, là đường xe bò. Năm 2001, giữa ông Đ và bà Dương Thị K1 (mẹ chồng bà Nguyễn Thị B) có xảy ra tranh chấp liên quan đến con đường đi chung này. Tại biên bản họp tổ ngày 14/7/2001, bà K1 và ông Đ thống nhất chừa con đường đi chung có chiều ngang 04m, chiều dài kéo từ đường cái (nay là đường ĐH421 - nhựa) đến đất ông Tư Thuận. Năm 2007, ông Đỗ Văn Đ đã làm thủ tục đo đạc lại thửa đất số 79 và tách diện tích 282m² ra làm đường đi chung. Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập là Biên bản xác minh ngày 07/11/2018 thì những người tham gia hòa giải vào năm 2001 đều xác định con đường tranh chấp năm 2001 chính là con đường mà hiện nay ông T, ông Đ tranh chấp với bà Nguyễn Thị B. Tại mảnh trích lục địa chính có lồng ghép ngày 20/02/2019 xác định trong diện tích lối đi tranh chấp không có diện tích đất thuộc thửa số 81 của bà Nguyễn Thị B. Tại công văn số 2837/CNTU-KT ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T xác định con đường đất cụt tách ra thửa số 79 của ông Đỗ Văn Đ vào năm 2007, chính là con đường mà các đương sự tranh chấp hiện nay và tại biên bản làm việc ngày 19/10/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T xác định trên thực tế thửa đất số 587, tờ bản đồ số 42 tiếp giáp con đường đất cụt có chiều dài khoảng 25m, chiều rộng khoảng 04m, con đường này được sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Từ những chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp lối đi.

1.2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ sắt trả lại lối đi chung diện tích $187m^2$ (trong đó có $29,4m^2$ chính giảm từ thửa 943; $91,1m^2$ thuộc phạm vi đường đất; $66,5m^2$ giảm từ thửa 79) tứ cận con đường đi chung: Hướng Bắc giáp thửa đất 819; hướng Nam giáp thửa đất 81 của bà Nguyễn Thị B; hướng Đông giáp thửa đất 1218 của ông Đỗ Văn T; hướng Tây giáp đường nhựa ĐH - 421 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T đối với diện tích đất $1,5m^2$.

1.4. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất $188m^2$ thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà B và yêu cầu hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03389 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Đỗ Văn T ngày 07/8/2015.

1.5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông trả lại con đường đi chung diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là $188,5m^2$.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2016/QĐ-BPKCTT ngày 17-10-2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 18/8/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đúng thời hạn theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đo đạc, áp thửa, lồng ghép 02 bản đồ đo đạc đất tranh chấp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các đương sự, kết quả thể hiện diện tích lối đi đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 79 của ông Đ, không có diện tích nào nằm trong thửa đất số 81 của bà B. Bị đơn không đồng ý với kết quả đo đạc của cấp sơ thẩm, có yêu cầu đo đạc lại nhưng không nộp tạm ứng chi phí theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét. Theo hồ sơ cung cấp thông tin do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T cung cấp, vào năm 2007 ông Đ đã điều chỉnh giảm diện tích 207m² chính là diện tích lối đi đang tranh chấp (BL 97). Tại Văn bản số 2837/CNTU-KT ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T xác định con đường đất cụt mà ông Đ tách ra từ thửa số 79 vào năm 2007 chính là con đường đang tranh chấp hiện nay. Tại Biên bản làm việc ngày 25/12/2019 của Tòa án tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T (BL 471) xác định: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB986931 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 25/7/2005 (cạnh hướng Bắc) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00211 cấp cho ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị Tám vào ngày 15/8/2005 (tại cạnh hướng Tây) không tiếp giáp đường nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 QSDĐ/TU ngày 07/8/2015 cho ông Đỗ Văn T đối với thửa đất 1218, tại cạnh hướng Tây tiếp giáp đường đất cụt, con đường đất này được tách từ thửa số 79 của ông Đỗ Văn Đ, con đường đất cụt này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương nghiệm thu. Do vậy, có căn cứ xác định con đường mà nguyên đơn tranh chấp là con đường đi chung. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và các con bà B là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trả lại lối đi chung diện tích 187m² (trong đó có 29,4m² chính giảm từ thửa 943; 91,1m² thuộc phạm vi đường đất; diện tích 66,5m² giảm từ thửa 79) là phù hợp. Bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất $1,5\text{m}^2$, thuộc thửa 819; bị đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện hợp pháp của bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 188m^2 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà B và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Đỗ Văn T ngày 07-8-2015; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông trả lại con đường đi chung diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là $188,5\text{m}^2$. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị B; đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các phần quyết định này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Phần diện tích đất lối đi mà nguyên đơn tranh chấp với bị đơn theo mảnh trích lục địa chính lồng ghép ngày 20/02/2019 (được điều chỉnh vào ngày 31/12/2019) có diện tích đo đạc thực tế là $188,5\text{m}^2$, trong đó có $29,4\text{m}^2$ chỉnh giảm từ thửa 943; $91,1\text{m}^2$ thuộc phạm vi đường đất; $1,5\text{m}^2$ thuộc thửa 819; diện tích $66,5\text{m}^2$ giảm từ thửa 79. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu đối với phần diện tích đất $1,5\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 819. Như vậy, diện tích lối đi theo đo đạc thực tế còn lại là 187m^2 trong đó có $29,4\text{m}^2$ chỉnh giảm từ thửa 943; $91,1\text{m}^2$ thuộc phạm vi đường đất; $66,5\text{m}^2$ giảm từ thửa 79. Đại diện nguyên đơn cho rằng lối đi đang tranh chấp có từ năm 1978 và phần diện tích tranh chấp thuộc một phần thửa 79 mà ông Đ đã giảm thửa để làm đường đi không phải thuộc thửa số 81 của bị đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích lối đi chung là 187m^2 . Đại diện bị đơn không ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng diện tích đường đi mà ông T đang tranh chấp là phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị B cho ông T đi nhờ, không phải lối đi chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2001, giữa ông Đ và bà Dương Thị K1 (mẹ chồng bà Nguyễn Thị B) có xảy ra tranh chấp liên quan đến con đường đi chung này. Tại biên bản họp tổ ngày 14/7/2001, bà K1 và ông Đ thống nhất chừa con đường đi chung có chiều ngang 04m, chiều dài kéo từ đường cái (nay là đường ĐH421 - nhựa) đến đất ông Tư Thuận. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 07/11/2018 (BL 266) và lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn Tấn, ông Nguyễn Đức Lợi, có cơ sở xác định lối đi đang tranh chấp theo biên bản họp tổ ngày 14/7/2001 chính là lối đi mà hiện nay các đương sự đang tranh chấp.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00211 ngày 15/8/2005 cho hộ ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị Tám và hồ sơ cung cấp thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00185 ngày 25/7/2005 cho hộ ông Nguyễn Thành L2 và bà Nguyễn Thị B thể hiện việc cấp giấy chứng nhận không tiến hành đo đạc thực tế, giữa thửa số 81 và thửa số 79 không tiếp giáp lối đi là phù hợp với nội dung tại biên bản họp tổ ngày 14/7/2001 và lời khai của đại diện nguyên đơn, người làm chứng ông Danh, Ông B1, ông Thông là những người trực tiếp tiến hành hòa giải vào năm 2001 cũng như lời trình bày của bị đơn.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00211 ngày 15/8/2005 của ông Đỗ Văn Đ đối với thửa đất số 79 thể hiện: Năm 2007, ông Đ tiến hành đo đạc lại diện tích đất thuộc thửa số 79 và có điều chỉnh giảm diện tích $282m^2$ để làm đường đi và phần đất giảm thửa này nằm tại cạnh hướng Nam của thửa đất số 79 và tiếp giáp thửa đất số 81 của bà Nguyễn Thị B được thể hiện tại biên bản về việc đo đạc và xác minh thực tế đất sử dụng ngày 28/3/2007 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T) (BL 104). Theo kết quả đo đạc thực tế thì đường đất cắt này có diện tích là $187m^2$. Như vậy, tại thời điểm năm 2007, giữa thửa số 79 và thửa số 81 của bà B đã được phân định là con đường đất cắt. Theo kết quả lồng ghép tại mảnh trích lục ngày 20/02/2019 thể hiện trong phần diện tích tranh chấp $187m^2$ không có phần diện tích nào thuộc thửa số 81 của bà B. Tại Công văn số 2837/CNTU-KT ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T xác định con đường đất cắt mà ông Đ tách ra từ thửa số 79 vào năm 2007 chính là con đường đang tranh chấp hiện nay. Như vậy, có căn cứ xác định lối đi mà hiện nay nguyên đơn đang tranh chấp với bị đơn là lối đi mà ông Đ đã tự nguyện tách ra từ thửa đất số 79 của ông Đ vào năm 2007 để làm đường đi chung. Do đó, lời trình bày của bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa số 81 của bị đơn là không căn cứ.

Tại Biên bản làm việc ngày 25/12/2019 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T xác định: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB986931 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 25/7/2005 (cạnh hướng Bắc) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00211 cấp cho ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị Tám vào ngày 15/8/2005 (tại cạnh hướng Tây) không tiếp giáp đường nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03389 QSDĐ/TU ngày 07/8/2015 cho ông Đỗ Văn T đối với thửa đất số 1218, tại cạnh hướng Tây tiếp giáp đường đất cụt, con đường đất này được tách từ thửa số 79 của ông Đỗ Văn Đ, con đường đất cụt này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương nghiệm thu.

Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 07/11/2018 thì những người tham gia hòa giải vào năm 2001 đều xác định con đường tranh chấp năm 2001 chính là con đường mà hiện nay ông T, ông Đ đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị B.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và các con bà B là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Quốc C, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ sắt trả lại lối đi chung diện tích 187m² là phù hợp với quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013. Bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B có nộp đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền